2026학년도 대학수학능력시험 9월 모의평가 문제지

제 5 교시

제2외국어/한문 영역(베트남어 I)

성명		수험 번호						–				

1. □에 들어갈 글자는? [1점]

□ổ

① b
② g
③ h
④ r
⑤ t

2. 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은? [1점]

Chị đang **ngh**e nhạc Việt Nam.

① **gh**ế ② **h**át ③ **n**ém ④ **ng**ã ⑤ **nh**anh

3. □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?

xe m□y

① ã
② ạ
③ a
④ á
⑤ ả

4. 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

○ Đây là đường một _____.
○ Cái bàn này có _____ dài khoảng 1 mét.

① dự ② chậm ③ dành ④ mong ⑤ chiều

5. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

① tài khoản ② sương mù ③ thời trang
④ nghệ thuật ⑤ phương tiện

6. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Hôm nay, trông con vui thế!
B: Vâng. Vì ở trường con _____, mẹ ạ.

① cô khen được đã ② đã cô khen được
③ đã được cô khen ④ khen đã cô được
⑤ khen được đã cô

7. 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Chúng ta phải đi thêm bao lâu nữa?
B: (a) còn khoảng 5 phút nữa (b) ạ.

	(a)	(b)		(a)	(b)
①	Cả	và	②	Dù	nhưng
③	Chỉ	thôi	④	Nếu	thì
⑤	Vừa	vừa			

8. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

① tờ ② quả ③ chai ④ chiếc ⑤ quyển

9. 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

a. Mình chẳng biết cô Lan đã lập gia đình hay chưa.
b. Ở Việt Nam, không phải nơi nào cũng nóng cả năm đâu.
c. Mọi người hay hỏi chị tôi có là giáo viên tiếng Việt không.
d. Tất cả chúng tôi cũng đều muốn đi xem phim hài để vui.

① a, b ② a, d ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.

10. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A: Em chào cô ạ.
B: Chào em. Em _____?
A: Cảm ơn cô. Em khoẻ ạ.

① gặp ai
② làm nghề gì
③ có khoẻ không
④ đến trường bằng gì
⑤ thường dậy sớm không

11. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

① Xin lỗi
② Buồn quá
③ Chúc mừng
④ Không có gì
⑤ Xin giới thiệu

12. 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은?

A: Alô! Tuấn đấy à? Lan đây.
B: Tôi không phải là Tuấn. Chị đã gọi nhầm số rồi.
A: Thế à? Xin lỗi anh.

① B là Tuấn.
② B là bạn của Lan.
③ A đã gọi nhầm số.
④ A muốn mua điện thoại.
⑤ A và B làm cùng công ti.

13. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A: Em nói tiếng Việt giỏi thế! Em _____?
B: Em tên là Min-ho ạ.

① đi đâu
② tên là gì
③ học ở đâu
④ viết thế nào
⑤ thường làm gì

14. 광고문에 언급된 것은?

① 도착 날짜
② 이동 수단
③ 출발 시간
④ 할인 조건
⑤ 호텔 등급

15. Linh의 가족에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Gia đình Linh có bố mẹ, em trai và Linh. Bố mẹ Linh đều là giáo viên. Mẹ Linh nấu ăn ngon và rất vui tính. Linh là bác sĩ. Còn em trai Linh là sinh viên.

① 가족은 4명이다.
② 부모님은 동갑이다.
③ 아버지는 약사이다.
④ 어머니는 의사이다.
⑤ 동생은 고등학생이다.

16. 대화의 내용으로 보아 B가 Đà Nẵng에 갈 날짜는?

A: Hôm nay là ngày 25 tháng 9. Khi nào anh đi Đà Nẵng?
B: Ngày mai. Anh đã đặt vé rồi.

① 9월 25일
② 9월 26일
③ 9월 27일
④ 9월 28일
⑤ 9월 29일

17. 대화의 내용으로 보아 Đà Lạt의 오늘 날씨는? [1점]

A: Hôm nay, thời tiết ở Đà Lạt thế nào?
B: Ở đây trời nắng đẹp.

①
②
③
④ 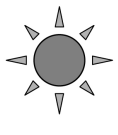
⑤

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.

18. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로 바르게 배열한 것은?

A: Em ơi, cái áo này trông đẹp thật.
_____?
B: _____.
(*Một lúc sau*)
A: Cái này hơi chật. _____?
B: Dạ, để em xem.

<보 기>

a. Vâng, được ạ
b. Có cái to hơn không
c. Chị mặc thử được không

① a - b - c ② b - a - c ③ b - c - a
④ c - a - b ⑤ c - b - a

19. 대화의 내용으로 보아 B의 취미에 해당하는 것은? [1점]

A: Sở thích của chị là gì?
B: Chị thích chụp ảnh.

① ② ③
④ ⑤ 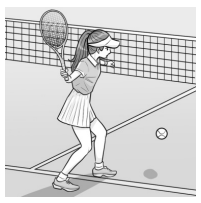

20. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Từ nhà anh đến trường _____?
B: Không, rất gần. Anh đi bộ cũng được.
A: Thích nhỉ.

① đi với ai ② có xa không
③ lúc mấy giờ ④ có siêu thị không
⑤ đi bộ được không

21. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

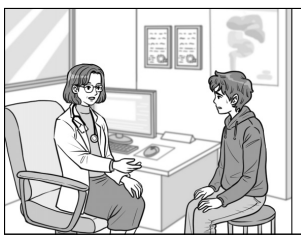

A: Em thấy trong người thế nào?
B: Em _____ ạ.
A: Để tôi khám cho nhé.

① bị mất tiền ② đi khám rồi
③ bị cảnh sát bắt ④ thấy uống thuốc rồi
⑤ thấy sốt cao và đau họng

22. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

<보 기>

a. dùng gì
b. gọi món gì
c. nấu món gì
d. ăn cơm với ai

① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

23. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Hôm nay, con thi mấy môn?
B: Con _____ ạ.
A: Chúc con thi tốt nhé.

① đã hiểu hết rồi
② chưa hiểu câu này
③ học Tiếng Anh thú vị
④ thấy môn Toán khó quá
⑤ thi 2 môn là Tiếng Anh và Toán

24. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

(*Tại bưu điện*)
A: Em muốn gửi bưu kiện này đi Hàn Quốc.
B: _____?
A: Em gửi thường ạ.

① Thư có nặng không
② Khi nào em muốn nhận
③ Bưu kiện này gửi cho ai
④ Em gửi thường hay gửi nhanh
⑤ Em muốn gửi bưu kiện này đi đâu

25. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A: Sáng mai, chị đi leo núi với em nhé.
B: _____, chị có hẹn khác rồi.

<보 기>

a. Được chứ
b. Rất tiếc
c. Không được
d. Tất nhiên rồi

① a, c ② a, d ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.

26. 글의 내용이 가리키는 음식은? [1점]

> ○ Đây là một món ăn nổi tiếng ở Việt Nam.
> ○ Mọi người dùng gạo làm sợi bánh của món này.
> ○ Món này còn có nước dùng và thịt bò hoặc thịt gà.
>
> * gạo : 쌀 * sợi bánh : 국수 가락 * nước dùng : 육수

① Phở ② Bánh mì ③ Bún chả
④ Gà luộc ⑤ Bánh chưng

27. Lý Thái Tổ에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Lý Thái Tổ (974 – 1028) đã lập ra nhà Lý. Theo truyền thuyết, năm 1010, ông đến đất Đại La thì thấy rồng bay lên nên đã chọn nơi này làm kinh đô và đặt tên mới là Thăng Long. Thăng Long là tên cũ của Thủ đô Hà Nội. Ở Hà Nội có đường phố và trường học mang tên ông.

* truyền thuyết : 전설 * rồng : 용
* kinh đô : 도읍, 왕도, 수도

<보 기>

a. Đã lập ra nhà Lý.
b. Đã sinh ra ở Đại La.
c. Đã xây dựng trường mang tên mình.
d. Đặt tên kinh đô là Thăng Long vào năm 1010.

① a, b ② a, d ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

28. '호떠이(Hồ Tây)'에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

> Hồ Tây là hồ tự nhiên lớn nhất ở Hà Nội. Hồ rộng khoảng 500 ha. Nơi đây nổi tiếng với phong cảnh đẹp và lãng mạn. Xung quanh Hồ Tây có nhiều di tích lịch sử văn hoá, nhiều nhà hàng bánh tôm ngon và quán cà phê đẹp. Mọi người thích đến đây ngắm Hồ Tây.
>
> * tự nhiên : 자연 * di tích : 유적지

① Hồ Gươm으로도 불린다.
② 아름다운 해변으로 유명하다.
③ 500년 된 군사 박물관이 있다.
④ 베트남 북부의 대표적인 강이다.
⑤ Hà Nội에서 가장 큰 자연 호수이다.

29. '후에 국학학교(Trường Quốc Học Huế)'에 관한 글에 언급된 것은? [1점]

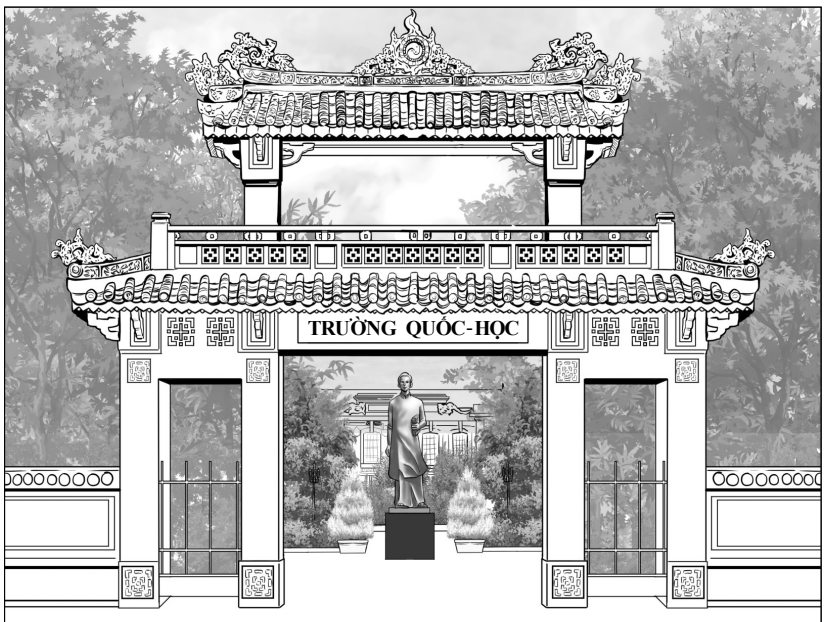

Trường Quốc Học Huế có từ năm 1896. Trường nằm ở thành phố Huế. Đây là một trong những trường trung học phổ thông có lịch sử lâu nhất ở Việt Nam. Hiện nay, tên chính thức của Trường là Trường Trung học phổ thông chuyên Quốc Học Huế. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã học ở đây.

* chính thức : 정식의 * chuyên : 특수 목적의, 전공의
* chủ tịch : (국가) 주석

① 설립자명 ② 건축 기간 ③ 교육 이념
④ 모집 정원 ⑤ 정식 명칭

30. '베트남 국경일(ngày Quốc khánh Việt Nam)'에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

> Mi-na: Sao hôm nay đường phố có nhiều quốc kì thế?
> Trang: Hôm nay là ngày 2 tháng 9, ngày Quốc khánh của Việt Nam đấy. Vào ngày này năm 1945, Bác Hồ đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình.
> Mi-na: Ồ! Vậy, đây là một ngày quan trọng với người Việt Nam nhỉ.
> Trang: Đúng rồi. Ở Việt Nam thường tổ chức nhiều chương trình kỉ niệm.
>
> * quốc kì : 국기 * bản Tuyên ngôn Độc lập : 독립선언문
> * quan trọng : 중요한

<보 기>

a. 9월 2일이다.
b. 통일 기념일이다.
c. 1945 곳에서 기념행사를 개최한다.
d. Bác Hồ가 독립선언문을 낭독한 날이다.

① a, b ② a, d ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

* 확인 사항

○ 답안지의 해당란에 필요한 내용을 정확히 기입(표기)했는지 확인하시오.

이 문제지에 관한 저작권은 한국교육과정평가원에 있습니다.